TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/DS-ST
Ngày 05-10-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thuý Hà và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình - Cán bộ TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST- DS ngày 05 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn;* Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 13, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn C

Địa chỉ: Tổ 13, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

** Bị đơn:* Chị **Trần Thị Thắm**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 25, tổ 02, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Anh **Vũ Huy T** (tức Vũ Đức T), sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 02, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Đỗ Minh H**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:**

Chị Trần Thị Th và anh Vũ Huy T nhận là con nuôi của anh trai ông Hoàng Văn C (chồng bà Vũ Thị T). Từ mối quen hệ quen biết nhau nên ngày 01 tháng 11 năm 2014, chị Th và anh T có đến nhà bà Vũ Thị T đặt vấn đề vay tiền để làm ăn buôn bán. Bà T đã đồng ý cho chị Th và anh T vay số tiền 300.000.000đồng *(Ba trăm triệu đồng)*. Khi vay tiền chị Th có viết giấy vay tiền cho bà T, nội dung thoả thuận trong giấy vay tiền không ghi tiền lãi và thời hạn trả tiền, nhưng hai bên có thoả thuận bằng miệng về lãi suất là 1,25%/tháng và thời hạn trả tiền là khi nào bà T cần lấy tiền thì chị Th và anh T phải thanh toán. Tiền lãi được trả hàng tháng. Khi vay tiền, chỉ có một mình chị Th viết và ký vào giấy vay tiền, anh T không ký vào giấy vay tiền. Từ ngày vay tiền chị Th và anh T đã trả được 02 tháng tiền lãi. Từ tháng 01 năm 2015, chị Th và anh T không trả tiền lãi nữa và bà T đã nhiều lần đòi tiền gốc nhưng chị Th và anh T khất nợ và hứa sẽ trả tiền. Sau đó bà T đã nhiều lần đến nhà chị Th và anh T để đòi tiền nhưng không được. Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện đến Toà án yêu cầu giải quyết: Buộc chị Trần Thị Th và anh Vũ Huy T (tức Vũ Đức T) có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là 300.000.000đồng *(Ba trăm triệu đồng)*. Bà T không yêu cầu trả tiền lãi.

Trong thời gian Toà án giải quyết vụ án, chị Trần Thị Th và anh Vũ Huy T (Vũ Đức T) có đến xin bà T gia hạn thời gian trả nợ (vào tháng 2 năm 2018), nên bà T đã có đơn đề nghị Toà án tạm dừng giải quyết vụ án. Song trong thời gian này, chị Th và anh T vẫn không thực hiện thoả thuận mà đã cố ý tẩu tán tài sản bằng việc tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Vì vậy, bà T đã làm đơn yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" đối với nhà và đất của chị Trần Thị Th và anh Vũ Huy T (Vũ Đức T). Đến ngày 09/7/2018, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Văn C có đơn đề nghị thay đổi người bị kiện đối với anh Vũ Huy T (Vũ Đức T) từ bị đơn sang người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với lý do: Trong giấy vay tiền chỉ một mình chị Th viết và ký giấy, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh T đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, ông thấy chưa có đủ căn cứ chứng minh anh T là bị đơn, song bà T đang yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" đối với nhà và đất của chị Th và anh T nên anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời, ông Cúc cũng xác nhận: Sau khi bà T yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với nhà đất của chị Th và anh T, chị Th đã trả cho bà số tiền 40.000.000đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* cho bà T, hiện nay chị Th chỉ còn nợ bà T số tiền gốc là 260.000.000đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)* và yêu cầu chị Trần Thị Th có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho bà Vũ Thị T.

*** Bị đơn chị Trần Thị Th trình bày:**

Chị Th làm nghề kinh doanh tự do nên cần vốn làm ăn, ngày 01 tháng 11 năm 2014 chị có vay tiền của bà Vũ Thị T số tiền là 300.000.000đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, nhưng do làm ăn bị mất mát nên chị Th chưa trả được tiền cho bà T. Nay bà

T khởi kiện ra Tòa án, chị đồng ý trả tiền cho bà T và chị xin khất bà T là sẽ bắt đầu trả tiền vào tháng 2 năm 2018 (âm lịch), dưới hình thức trả dần hàng tháng. Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại Toà án, chị đi làm ăn xa nên không đến Toà án tham gia các phiên hoà giải được. Trong thời gian này chị đã trả cho bà T số tiền 40.000.000đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*. Chị xác định việc vay tiền của bà T là để chị kinh doanh riêng, chồng chị là anh Vũ Đức T (không có tên gọi khác) không liên quan đến việc vay nợ này nên chị tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T số tiền còn nợ là 260.000.000đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)*. Trong thời gian vay tiền của bà T, chồng chị là anh T không giao dịch với bà T về việc cầm tiền hay trả tiền (cả gốc và lãi).

Về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà T đối với tài sản là là thửa đất của vợ chồng chị tại tổ 2, phường M, thành phố T (trên đất có nhà tạm), chị và bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Minh H không có tranh chấp gì nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để bà T và ông H hoàn tất thủ tục đất đai theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh H và bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, ông bà có lập Hợp đồng đặt cọc với anh Vũ Đức T và chị Trần Thị Th tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang với nội dung: Ông H và bà T đặt cọc số tiền 800.000.000đồng *(Tám trăm triệu đồng)* cho anh T và chị Th để mua mảnh đất của anh T và chị Thở tổ 2, phường M, thành phố T. Mảnh đất trị giá 900.000.000đồng *(Chín trăm triệu đồng*). Sau đó anh T và chị Th viết giấy nhận tiền của ông bà và cùng ông bà đến Ngân hàng Cổ phần Q, chi nhánh Tuyên Quang để trả tiền và lấy hồ sơ nhà đất về (tại thời điểm đó mảnh đất này của chị Th và anh T đang thế chấp cho Ngân hàng cổ phần Q, chi nhánh Tuyên Quang). Đến ngày 07 tháng 5 năm 2018, ông H và bà T lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với anh Vũ Đức T và chị Trần Thị Th tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng, ông H và bà T mang hồ sơ đề nghị đăng ký quyền sử dụng đất nộp tại bộ phận giao dịch một cửa của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tuyên Quang thì nhận được Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, vì vậy ông bà chưa thực hiện được việc sang tên đổi chủ mảnh đất này. Nay ông H và bà T đề nghị Tòa án giải quyết xong vụ án về việc vay nợ giữa bà Vũ Thị T và chị Trần Thị Th, anh Vũ Đức T để ông bà thực hiện tiếp thủ tục đăng ký đất đai theo quy định.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Anh T vắng mặt không có lý do, chị Th có mặt và nhất trí với các tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp tại Toà án. Chị Th không có yêu cầu phản tố. Sau phiên họp, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Th và anh T (bằng hình thức gửi văn bản qua đường bưu điện - đảm bảo và niêm yết tại chính quyền địa phương) đến tham gia hòa giải nhưng chị Th và anh T đều không đến Tòa án tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Toà án cũng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các đương

sự đều nhất trí với các tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp tại Toà án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Toà án cũng đã tiến hành các phiên hoà giải để các bên đương sự thoả thuận với nhau về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng không thành, vì vậy Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày 19/9/2018, anh Vũ Đức T vắng mặt, các đương sự còn lại đều có mặt, vì vậy HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Cùng ngày, ông Hoàng Văn C (là người đại diện theo uỷ quyền của bà Vũ Thị T) và chị Trần Thị Th cũng đã hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị T số tiền gốc là 260.000.000đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)* và không yêu cầu về lãi suất; bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến xin trả tiền theo phương thức trả dần hàng tháng. Ông C yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là nhà đất của chị Trần Thị Th và anh Vũ Đức T ở tổ 2, phường M, thành phố T để đảm bảo cho việc thi hành án đối với bà Vũ Thị T.

Tại phiên tòa ngày 05/10/2018, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, không ai có ý kiến thay đổi, bổ sung ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Hòa và bà Tuyên) đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Toàn) không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc yêu cầu chị Trần Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 260.000.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)* và tiếp tục quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2018 để đảm bảo cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật áp dụng:

Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, tuy nhiên giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều khoản chuyển tiếp) thì pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Ngày 01 tháng 11 năm 2014 chị Trần Thị Th có viết giấy vay tiền của bà Vũ Thị T với số tiền 300.000.000đồng *(Ba trăm triệu đồng)*. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất và thời hạn trả tiền. Song, hai bên đều thừa nhận về việc bà T đã đến yêu cầu trả nợ và chị Th xin khất nợ (thời gian khất nợ cuối cùng vào tháng 2 năm 2018) nhưng chị Th vẫn không thanh toán được số tiền trên cho bà T. Do vậy bà T khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Th đã thanh toán cho bà T số tiền 40.000.000đồng *(Bốn mươi triệu đồng),* nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Th có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền gốc còn nợ là 260.000.000đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)* và không yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi. Như vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về số tiền gốc: Bà Vũ Thị T yêu cầu chị Trần Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà khoản tiền gốc còn nợ là 260.000.000đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)*. Chị Th nhất trí trả nợ số tiền trên cho bà T nhưng xin trả dần hàng tháng vì hoàn cảnh hiện nay khó khăn. Và chị Th khẳng định việc vay nợ giữa chị với bà T không liên quan đến anh Vũ Đức T (là chồng chị) nên một mình chị chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T. HĐXX thấy, việc chị Th xin trả dần tiền hàng tháng cho bà T là không có căn cứ và việc vay nợ không liên quan đến anh T, nội dung này ông Hoàng Văn C (là người đại diện theo uỷ quyền của bà Vũ Thị T) cũng đã có đơn đề nghị thay đổi tư cách tham gia tố tụng đối với anh Vũ Đức T từ bị đơn sang người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà T không khởi kiện đối với anh T nữa. Như vậy, HĐXX thấy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc yêu cầu chị Trần Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tâm số tiền gốc 260.000.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)*.

Đối với khoản tiền lãi đã thanh toán cho nhau, các đương sự không có tranh chấp và không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.2] Về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Chị Trần Thị Th đã được bà Vũ Thị T ra hạn thời hạn trả nợ nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận. Trong thời gian bà T có đơn đề nghị Toà án tạm dừng giải quyết vụ án, chị Th đã có hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Đỗ Minh H và bà Nguyễn Thị T. Vì vậy bà T có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là là "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ". Xét thấy yêu cầu của bà T phù hợp với quy định của pháp luật và căn cứ vào Điều 188 Luật đất đai thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính. Chị Th cũng xác nhận thửa đất mà vợ chồng chị chuyển nhượng cho ông H, bà T chỉ có nhà tạm trên đất. Lời trình bày của chị Th cũng phù hợp với lời trình bày của ông H và bà T.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nội dung này giữa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (ông C) với ông Đỗ Minh H và bà Nguyễn Thị T, song ông C vẫn giữ yêu cầu. Ông H và bà T đề nghị Tòa án giải quyết nhanh vụ án để ông bà tiếp tục thực hiện các thủ tục về đất đai.

HĐXX thấy yêu cầu về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là là "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo cho việc thi hành án của bà Vũ Thị T là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với tài sản bảo đảm bằng tiền mà bà Tâm đã gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, thể hiện việc gửi tiền bằng sổ tiết kiệm, cần trả lại cho bà T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T khởi kiện đối với của chị Trần Thị Th và anh Vũ Huy T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định anh Vũ Huy T hay còn gọi là Vũ Đức T. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị Trần Thị Th (là vợ anh T) khẳng định anh T (chồng chị Th) có tên là Vũ Đức T và không có tên gọi nào khác.

Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với anh T, nhưng tài sản là nhà đất mà nguyên đơn đang yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tài sản chung của chị Trần Thị Th và anh Vũ Đức T. Vì vậy, anh Vũ Đức T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Vũ Đức T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự còn lại đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà T được Toà án chấp nhận.

Bà Vũ Thị T không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

V*ì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Các Điều 26; 35; 39; 111; 112; 126; 147; 184; 227; 228; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 471; 474 của Bộ luật dân sự 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T

- Buộc chị Trần Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị T số tiền gốc là 260.000.000đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Tiếp tục tiếp tục quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2018 là "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ"

đối với nhà và đất của chị Trần Thị Th và anh Vũ Đức T; địa chỉ tổ 2, phường M, thành phố T để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bà Vũ Thị T 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC 00008713995 phát hành ngày 09/5/2018 mang tên Vũ Thị T, số tiền giao dịch 30.000.000đồng, gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 13.000.000đồng *(Mười ba triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Vũ Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0005038 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang (do bà Hoàng K là người nộp thay).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP TQuang (2 bản);
- THADS thành phố TQuang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Hương Giang